TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22/01/2018
Về việc: Không công nhận vợ chồng giữa anh Tr và chị L

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Thoi.

2. Bà Nguyễn Thị Lại.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện VKSND huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lành – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 267/2017/TLST-HNGĐ ngày 19/10/2017 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/12/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Tr – sinh năm 1972 (có mặt).

Trú quán: Thôn 7, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Chị Thân Thị L (tên gọi khác: Thân Thị Hồng L) – sinh năm 1973.

Trú quán: Thôn 7, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Chị Liên vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa phía nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1990, tại thôn 7, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang, có tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng sống

hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa nhau. Vợ chồng đã sống ly từ tháng 9/2015 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân thì cũng không qua lại hỏi thăm để hàn gắn tình cảm gia đình, đời sống chung không hạnh phúc và mục đích của hôn nhân không đạt được; do vậy anh yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị L là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh và chị L có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn H – sinh năm 1991 và cháu Nguyễn Hải Đ – sinh năm 1999. Nay các cháu đều đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, ruộng canh tác chung, công nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Thân Thị L (tên gọi khác: Thân Thị Hồng L) trình bày tại các biên bản lấy lời khai:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tr tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1991, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới, còn việc vợ chồng có đăng ký kết hôn hay không thì chị không nhớ rõ và chị không cung cấp được Giấy chứng nhận kết hôn của vợ chồng. Quá trình chung sống vợ, chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Tr có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2015 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị cũng đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh Tr là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh Tr có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn H – sinh năm 1991 và cháu Nguyễn Hải Đ – sinh năm 1999. Nay các cháu đều đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, ruộng canh tác chung, công nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Nguyễn Văn H và cháu Nguyễn Hải Đ tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai đều trình bày: Việc bố mẹ ly hôn, các cháu không có ý kiến gì. Các cháu cùng xác định không có đóng góp gì vào tài sản chung của gia đình và không yêu cầu trích chia bất cứ phần công sức nào.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên: Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận anh Tr và chị L là vợ chồng, anh Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận anh và chị L là vợ chồng; đối chiếu Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp ly hôn. Do vậy, xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng khác: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là chị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị L chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1990, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống. Căn cứ theo lời khai của nguyên đơn và qua xác minh tại UBND xã T thì anh Tr chị L hiện sống tại địa phương và có chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T.

Trong quá trình chung sống đến năm 2015 thì anh Tr và chị L phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, không hiểu nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Hiện tại thì anh Tr, chị L không còn sống chung và đã ly thân từ tháng 9/2015 cho đến nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Tại các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, cả anh Tr và chị L đều xác định không còn tình cảm và đều đề nghị Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa anh Tr và chị L là đúng quy định pháp luật.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn H – sinh năm 1991 và cháu Nguyễn Hải Đ – sinh năm 1999. Nay các cháu đều đã trưởng thành nên anh Tr và chị L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét tại vụ án này.

Về tài sản chung, ruộng canh tác chung, công nợ chung: Anh Tr và chị L đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14, 53, 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn Tr và chị Thân Thị L (tên gọi khác: Thân Thị Hồng L)

Về án phí: Anh Nguyễn Văn Tr phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2012/07333 ngày 19/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Xác nhận anh Tr đã nộp đủ tiền án phí.

Báo cho nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- TAND t. Bắc Giang;
- VKSND h. Việt Yên;
- THADS;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hoàng Thị Hương Lan